

Số: 68 /2016/CBTT-TCKT
(V/v : Công bố thông tin BCTC
riêng bán niên soát xét năm 2016)

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**
2. Mã chứng khoán : **S 99**
3. Trụ sở chính: **T3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm , TP Hà Nội**
4. Điện thoại: **(84.4) 3 768 4495** Fax: **(84.4) 3 768 4490**
5. Người thực hiện công bố thông tin : **Ông Cao Lữ Phi Hùng – Kế toán trưởng**
6. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính riêng bán niên soát xét năm 2016 của Công ty cổ phần SCI được kiểm toán ký ngày 15/08/2016 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : **www.sci.pro.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, HCNS

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lương Thanh Hùng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

NỘI DUNG

| | Trang |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02-03 |
| Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 04 |
| Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét | 05-39 |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ | 05-06 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 07 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ | 08-09 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 10-39 |



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|----------------------|----------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Công Hùng | Chủ tịch | |
| Ông Lê Việt Dũng | Ủy viên | |
| Ông Lương Thanh Tùng | Ủy viên | |
| Ông Nguyễn Văn Phúc | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016 |
| Ông Đoàn Thế Anh | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016 |
| Ông Nguyễn Văn Hạnh | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 29/04/2016 |
| Ông Lê Tiến Nam | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 29/04/2016 |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|----------------------|-------------------|--------------------------|
| Ông Lương Thanh Tùng | Tổng Giám đốc | |
| Ông Đoàn Thế Anh | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Quốc Chế | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Văn Phúc | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm ngày 14/06/2016 |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | | |
|----------------------|------------|----------------------------|
| Ông Phan Dương Mạnh | Trưởng ban | Bỏ nhiệm ngày 05/05/2016 |
| Ông Nguyễn Đức Lương | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 25/04/2016 |
| Ông Phan Thanh Hải | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016 |
| Ông Trần Kim Sơn | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016 |
| Bà Lê Thị Minh Huyền | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 29/04/2016 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

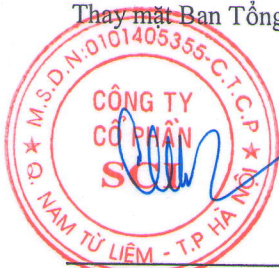
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Số: 1787/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI được lập ngày 20 tháng 07 năm 2016, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 342.372.865.941 | 372.054.417.489 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 60.029.324.843 | 14.565.244.126 |
| 111 | 1. Tiền | | 60.029.324.843 | 14.565.244.126 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | 186.325.683.486 | 178.736.391.092 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | 130.343.411.655 | 187.530.700.506 |
| 122 | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | | (4.017.728.169) | (8.794.309.414) |
| 123 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 60.000.000.000 | - |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 83.151.383.030 | 157.751.276.298 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 60.589.079.658 | 75.775.124.094 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 5.739.323.688 | 4.276.839.843 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 7 | 16.200.000.000 | 2.000.000.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 8 | 21.610.381.699 | 82.203.007.051 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (20.987.402.015) | (6.503.694.690) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 10 | 11.368.942.310 | 18.799.432.750 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 11.368.942.310 | 18.799.432.750 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 1.497.532.272 | 2.202.073.223 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 14 | 267.925.282 | 253.641.355 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 1.217.229.702 | 1.948.431.868 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 17 | 12.377.288 | - |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 212.892.612.990 | 182.151.650.126 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 220.000.000 | 220.000.000 |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | 8 | 220.000.000 | 220.000.000 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 20.711.158.371 | 20.205.345.829 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 12 | 20.595.533.414 | 20.083.470.870 |
| 222 | - Nguyên giá | | 58.616.543.101 | 55.992.963.820 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (38.021.009.687) | (35.909.492.950) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 13 | 115.624.957 | 121.874.959 |
| 228 | - Nguyên giá | | 342.500.000 | 342.500.000 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (226.875.043) | (220.625.041) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 2.084.650.910 | 4.963.712.959 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 11 | 2.084.650.910 | 4.963.712.959 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 4 | 187.624.750.000 | 155.106.250.000 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 102.074.750.000 | 74.556.250.000 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 85.550.000.000 | 80.550.000.000 |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 2.252.053.709 | 1.656.341.338 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 14 | 2.252.053.709 | 1.656.341.338 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 555.265.478.931 | 554.206.067.615 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 127.450.551.151 | 137.373.385.109 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 33.628.736.151 | 52.316.570.109 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 15 | 2.964.770.779 | 5.934.309.371 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 16 | 482.625.012 | 2.229.438.938 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 17 | 4.986.299.681 | 6.489.572.258 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 350.000.000 | 3.975.687.262 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 18 | 586.675.606 | 4.252.002.523 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 19 | 20.243.300.233 | 28.608.494.917 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 20 | 3.188.000.000 | - |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 827.064.840 | 827.064.840 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 93.821.815.000 | 85.056.815.000 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 19 | 56.815.000 | 56.815.000 |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 20 | 93.765.000.000 | 85.000.000.000 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 427.814.927.780 | 416.832.682.506 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 21 | 427.814.927.780 | 416.832.682.506 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 370.000.000.000 | 370.000.000.000 |
| 411a | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 370.000.000.000 | 370.000.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 982.166.000 | 982.166.000 |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 8.192.087.059 | 8.192.087.059 |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 48.640.674.721 | 37.658.429.447 |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 37.658.429.447 | 19.977.576.459 |
| 421b | LNST chưa phân phối kỳ này | | 10.982.245.274 | 17.680.852.988 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 555.265.478.931 | 554.206.067.615 |

Đặng Đôn Triển
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|-------|--|-------------|-----------------------|----------------------|
| | | | 2016 | 2015 |
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22 | 11.837.974.086 | 26.698.271.047 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | 73.526.835 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 11.837.974.086 | 26.624.744.212 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 23 | 7.551.907.079 | 22.707.580.363 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 4.286.067.007 | 3.917.163.849 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 24 | 50.488.503.599 | 24.110.925.007 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 25 | 21.466.215.727 | 17.344.666.026 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 6.009.378.922 | 1.160.570.672 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | | - | - |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 20.588.443.326 | 6.156.371.969 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 12.719.911.553 | 4.527.050.861 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 27 | 1.273.189.776 | 7.924.111.550 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 28 | 1.212.697.340 | 278.276.129 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 60.492.436 | 7.645.835.421 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 12.780.403.989 | 12.172.886.282 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 29 | 1.635.256.757 | 2.685.636.089 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | <u>11.145.147.232</u> | <u>9.487.250.193</u> |



Đặng Đôn Triển
Người lập



Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
 Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|--|--|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | 2016 | 2015 |
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 12.780.403.989 | 12.172.886.282 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | | 2.423.417.054 | 2.223.724.714 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 9.707.126.080 | 15.956.636.151 |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (7.016.975.329) | (9.148.344.963) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 6.009.378.922 | 1.160.570.672 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 23.903.350.716 | 22.365.472.856 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 76.726.788.599 | (101.502.922.370) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 7.430.490.440 | (4.784.839.251) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | (20.739.053.364) | 11.240.143.173 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | (609.996.298) | 461.434.792 |
| 13 | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | | 57.187.288.851 | (156.644.879.883) |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (6.047.636.394) | (1.157.274.727) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (2.896.681.837) | (4.070.445.695) |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | - | (6.000.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 134.954.550.713 | (234.099.311.105) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (50.167.547) | (3.795.867.909) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | - | 40.878.498.179 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (75.000.000.000) | - |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 800.000.000 | - |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (32.518.500.000) | (15.052.870.000) |
| 27 | 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 5.325.197.551 | 1.737.018.997 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (101.443.469.996) | 23.766.779.267 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | - | 245.030.710.000 |
| 33 | 2. Tiền thu từ đi vay | | 12.750.000.000 | 8.475.500.947 |
| 34 | 3. Tiền trả nợ gốc vay | | (797.000.000) | (6.361.524.730) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 11.953.000.000 | 247.144.686.217 |



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|-------|----------------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 2016 | 2015 |
| | | | VND | VND |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | 45.464.080.717 | 36.812.154.379 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 14.565.244.126 | 15.006.939.754 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 3 | <u>60.029.324.843</u> | <u>51.819.094.133</u> |

Đặng Đôn Triển
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

TTTC
CÔNG T
- NHIỆM
G KIỂM
AAS
KIỂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 370.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 370.000.000.000 đồng; tương đương 37.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng ô tô;
- Kinh doanh máy xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, bu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 909 -
Trung tâm Cung ứng nhân lực Quốc tế (*)

Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

Địa chỉ

Hà Nội

Lai Châu

Hoạt động kinh doanh chính

Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao
động

Thi công xây lắp

(*) Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 909 - Trung tâm Cung ứng nhân lực Quốc tế chấm dứt hoạt động kể từ ngày 15/03/2016 theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐQT ngày 10/03/2016 của Hội đồng quản trị Công ty.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán .

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | | |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 | năm |
| - Phần mềm kế toán | 03 | năm |
| - Nhãn hiệu, thương hiệu | 20 | năm |

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

01007
C
TRÁCH
HÃN
J. HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
 Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
 Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 509.678.691 | 354.279.891 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 59.519.646.152 | 14.210.964.235 |
| | 60.029.324.843 | 14.565.244.126 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Hợp đồng ủy thác đầu tư (*) | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | - | - |
| | <u>60.000.000.000</u> | <u>60.000.000.000</u> | <u>-</u> | <u>-</u> |

(*) Số dư phản ánh khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB theo hợp đồng quản lý đầu tư số 10/2016/HĐQL/IBFM-SCI ngày 27/06/2016. Tại thời điểm 30/06/2016, danh mục ủy thác đầu tư của Công ty là 60 trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị là 60 tỷ đồng.

b) Chứng khoán kinh doanh

| | 30/06/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| - Tổng giá trị cổ phiếu | 130.343.411.655 | 141.854.243.400 | (4.017.728.169) | 187.530.700.506 | 218.680.013.500 | (8.794.309.414) |
| GEX | 12.064.769.965 | 12.389.650.000 | - | 88.500.000.000 | 115.000.000.000 | - |
| PCT | 18.212.390.992 | 22.038.450.000 | - | 18.212.390.992 | 23.717.570.000 | - |
| SDA | 7.410.000.000 | 6.846.661.400 | (563.338.600) | 7.410.000.000 | 7.366.661.000 | (43.339.000) |
| STG | - | - | - | 26.271.046.600 | 34.109.390.000 | - |
| VHG | - | - | - | 41.656.800.000 | 33.707.700.000 | (7.949.100.000) |
| CAV | 21.067.460.129 | 32.014.470.000 | - | - | - | - |
| SWC | 52.897.000.000 | 51.332.000.000 | (1.565.000.000) | - | - | - |
| DDV | 5.401.440.000 | 4.766.150.000 | (635.290.000) | - | - | - |
| CJC | 3.903.900.000 | 3.822.000.000 | (81.900.000) | 3.903.900.000 | 4.004.000.000 | - |
| MHC | 6.192.780.000 | 5.486.592.000 | (706.188.000) | - | - | - |
| Cổ phiếu khác | 3.193.670.569 | 3.158.270.000 | (466.011.569) | 1.576.562.914 | 774.692.500 | (801.870.414) |
| | <u>130.343.411.655</u> | <u>141.854.243.400</u> | <u>(4.017.728.169)</u> | <u>187.530.700.506</u> | <u>218.680.013.500</u> | <u>(8.794.309.414)</u> |

(*) Cơ sở xác định giá trị hợp lý các chứng khoán kinh doanh của Công ty là giá thị trường trên sàn Hà Nội, sàn Hồ Chí Minh và sàn Upcom lần lượt tại thời điểm 30/06/2016 và 01/01/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư vào Công ty con | 102.074.750.000 | - | 74.556.250.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9 | 62.056.250.000 | - | 62.056.250.000 | - |
| - Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An | 40.018.500.000 | - | 12.500.000.000 | - |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 85.550.000.000 | - | 80.550.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà | 550.000.000 | - | 550.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon | 37.000.000.000 | - | 37.000.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần SCI Lai Châu | 18.000.000.000 | - | 13.000.000.000 | - |
| - Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*) | 30.000.000.000 | - | 30.000.000.000 | - |
| | 187.624.750.000 | - | 155.106.250.000 | - |

Ghi chú: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam giữa Công ty Cổ phần SCI với Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Vốn điều lệ dự kiến: 100 tỷ đồng. Vốn thực góp tại 30/06/2016 là 100 tỷ đồng;
- Vốn cam kết góp của Công ty Cổ phần SCI: 30 tỷ đồng;
- Lĩnh vực và mục tiêu đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp dự định đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

| <u>Tên công ty</u> | <u>Nơi thành lập và hoạt động</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết</u> | <u>Hoạt động kinh doanh chính</u> |
|--|-----------------------------------|----------------------|-------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9 | Hà Nội | 51,00% | 51,00% | Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng |
| Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An | Nghệ An | 100,00% | 100,00% | Xây dựng thủy điện |

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con trong kỳ: Xem thuyết minh số 34.

Đầu tư vào đơn vị khác

| <u>Tên công ty nhận đầu tư</u> | <u>Nơi thành lập và hoạt động</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết</u> | <u>Hoạt động kinh doanh chính</u> |
|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------|-------------------------|---------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon | Hà Nội | 14,29% | 14,29% | Phát triển dự án và thi công xây dựng |
| Công ty Cổ phần SCI Lai Châu | Lai Châu | 8,00% | 8,00% | Đầu tư, thi công thủy điện |

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà là khoản ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | <u>30/06/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn | | |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng và đầu tư Sông Đà 9 | 14.141.652.821 | 12.536.834.013 |
| - Ban Điều hành thủy điện Sơn La | 19.873.789.401 | 19.598.923.915 |
| - Ban Điều hành Dự án thủy điện Lai Châu | 10.054.517.230 | 8.901.147.230 |
| - Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu | 1.779.868.728 | 13.186.100.636 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 14.739.251.478 | 21.552.118.300 |
| | <u><u>60.589.079.658</u></u> | <u><u>75.775.124.094</u></u> |
| b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan | | |
| Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34. | <u><u>14.183.908.821</u></u> | <u><u>12.578.534.013</u></u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Công ty TNHH Long Hoa | 2.553.753.000 | (766.125.900) | 2.553.753.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đại Phát | 651.111.400 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần tư vấn phát triển năng lượng Việt Nam | 840.000.000 | (840.000.000) | 840.000.000 | (840.000.000) |
| Công ty Cổ phần tư vấn, xây dựng và thương mại Tây Nguyên | 607.036.800 | - | - | - |
| Trả trước cho người bán khác | 1.087.422.488 | (588.533.472) | 883.086.843 | (452.460.000) |
| | 5.739.323.688 | (2.194.659.372) | 4.276.839.843 | (1.292.460.000) |

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|-----------------------|----------------------|
| - Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh ⁽¹⁾ | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 ⁽²⁾ | 14.200.000.000 | - |
| | 16.200.000.000 | 2.000.000.000 |

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh số 01/HĐTD ngày 04/12/2015 và phụ lục hợp đồng ngày 25/03/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 2.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay;
- + Thời hạn của hợp đồng: 04 tháng, được gia hạn thêm 03 tháng đến ngày 03/07/2016.
- + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm.

(2) Hợp đồng cho vay số 05032016/SCI-SICCO ngày 05/03/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 11/03/2016);
- + Lãi suất cho vay: 9,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

8 . PHẢI THU KHÁC

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|---------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.705.000.000 | - | 13.222.222 | - |
| Phải thu về kinh phí công đoàn | 6.451.250 | - | 7.604.700 | - |
| Tạm ứng | 18.166.090.621 | (4.313.762.577) | 18.243.030.594 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 16.000.000 | - | 1.016.000.000 | - |
| Phải thu tiền bán cổ phiếu | - | - | 47.509.573.500 | - |
| Phải thu tiền giao dịch tại các Công ty Chứng khoán | 86.319.495 | - | 13.787.751.851 | - |
| Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Gia Hưng | 95.117.575 | - | 95.117.575 | - |
| Phải thu khác | 1.535.402.758 | (98.738.125) | 1.530.706.609 | (28.311.032) |
| | 21.610.381.699 | (4.412.500.702) | 82.203.007.051 | (28.311.032) |
| b) Dài hạn | | | | |
| Ký cược, ký quỹ | 220.000.000 | - | 220.000.000 | - |
| | 220.000.000 | - | 220.000.000 | - |

9 . NỢ XẤU

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|--|-----------------------|-------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán | | | | |
| - Ban điều hành Thủy điện Sơn La - Công trình thủy điện Nậm Chiến | 14.013.038.180 | 6.798.172.282 | 12.373.818.927 | 8.661.673.249 |
| - Ban Quản lý dự án xây dựng công trình cơ sở 2 - Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp | 4.972.620.000 | 2.141.336.254 | - | - |
| - Các khoản khác | 17.330.615.388 | 6.389.363.017 | 3.250.599.980 | 459.050.968 |
| | 36.316.273.568 | 15.328.871.553 | 15.624.418.907 | 9.120.724.217 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

10 . HÀNG TỒN KHO

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 731.911.020 | - | 2.792.016.457 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 10.637.031.290 | - | 16.007.416.293 | - |
| Công trình thủy điện Lai Châu | 9.679.247.183 | - | 11.595.684.406 | - |
| Các công trình khác | 957.784.107 | - | 4.411.731.887 | - |
| | 11.368.942.310 | - | 18.799.432.750 | - |

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 2.084.650.910 | 1.993.741.819 |
| - Dự án Mỏ đá Nhà Lương, Mỏ đá núi Chùa - Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh ⁽¹⁾ | 1.993.741.819 | 1.993.741.819 |
| - Dự án Thủy điện Nậm Xe ⁽²⁾ | 27.272.727 | - |
| - Dự án Thủy điện Nậm Lùm ⁽²⁾ | 63.636.364 | - |
| Nâng cấp tài sản cố định | - | 2.939.971.140 |
| - Máy móc thiết bị | - | 2.939.971.140 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 30.000.000 |
| - Máy móc thiết bị | - | 30.000.000 |
| | 2.084.650.910 | 4.963.712.959 |

(1) Dự án mỏ đá Nhà Lương và dự án khai thác mỏ đất san lấp núi Chùa được khởi công xây dựng từ năm 2010 với tổng mức đầu tư dự kiến lần lượt là 43,18 tỷ đồng và 27,80 tỷ đồng, thời gian thi công dự kiến là đến quý IV/2012 đi vào khai thác. Tuy nhiên, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã cho tạm dừng dự án để cho phép một doanh nghiệp khác thực hiện Đề án xây dựng Thiền viện Trúc lâm Hồng Lĩnh. Theo đó, UBND tỉnh Hà Tĩnh sẽ ưu tiên cho Công ty có mỏ đá khảo sát tại vị trí mới, đồng thời sẽ tính toán kinh phí bồi thường và hỗ trợ cho Công ty. Tại thời điểm 30/06/2016, dự án vẫn đang tạm dừng để chờ các quyết định phê duyệt dự án cũng như phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho Công ty.

(2) Dự án thủy điện Nậm Xe và dự án thủy điện Nậm Lùm được phê duyệt nghiên cứu khảo sát, lập dự án đầu tư theo Nghị quyết số 01a/2016/NQ-HĐQT ngày 05/01/2016. Tại thời điểm 30/06/2016, chi phí của dự án bao gồm các chi phí nghiên cứu, tư vấn, khảo sát, thăm dò dự án.

2011
CÔNG
NHÌEM
G KIỂM
AAS
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 34.727.860.183 | 20.976.561.763 | 288.541.874 | 55.992.963.820 |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 1.919.284.596 | 1.009.945.000 | - | 2.929.229.596 |
| - Phân loại lại | (7.487.543.905) | 7.487.543.905 | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | (114.285.714) | - | (191.364.601) | (305.650.315) |
| Số dư cuối kỳ | 29.045.315.160 | 29.474.050.668 | 97.177.273 | 58.616.543.101 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 24.156.483.485 | 11.464.467.591 | 288.541.874 | 35.909.492.950 |
| - Khấu hao trong kỳ | 1.048.174.490 | 1.368.992.562 | - | 2.417.167.052 |
| - Phân loại lại | (7.695.776.415) | 7.695.776.415 | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | (114.285.714) | - | (191.364.601) | (305.650.315) |
| Số dư cuối kỳ | 17.394.595.846 | 20.529.236.568 | 97.177.273 | 38.021.009.687 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 10.571.376.698 | 9.512.094.172 | - | 20.083.470.870 |
| Tại ngày cuối kỳ | 11.650.719.314 | 8.944.814.100 | - | 20.595.533.414 |

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 15.433.232.043 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.303.434.980 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Phần mềm máy tính VND | Nhãn hiệu, thương hiệu VND | Cộng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 92.500.000 | 250.000.000 | 342.500.000 |
| Số dư cuối kỳ | 92.500.000 | 250.000.000 | 342.500.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 92.500.000 | 128.125.041 | 220.625.041 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 6.250.002 | 6.250.002 |
| Số dư cuối kỳ | 92.500.000 | 134.375.043 | 226.875.043 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | - | 121.874.959 | 121.874.959 |
| Tại ngày cuối kỳ | - | 115.624.957 | 115.624.957 |

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 30/06/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| a) Ngắn hạn | | |
| Chi phí trả trước về thuê văn phòng và bếp ăn | 202.537.626 | 155.387.034 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 44.990.150 | 17.694.774 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 20.397.506 | 80.559.547 |
| | 267.925.282 | 253.641.355 |
| b) Dài hạn | | |
| Chi phí sửa chữa văn phòng | 1.418.230.400 | 918.308.060 |
| Phí tư vấn thiết kế Logo và Slogan | 284.175.833 | 401.765.833 |
| Phí dịch vụ quản lý chứng khoán | 166.666.667 | - |
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 195.480.809 | 248.745.112 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 187.500.000 | 87.522.333 |
| | 2.252.053.709 | 1.656.341.338 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả | Giá trị | Số có khả năng trả |
| | VND | nợ VND | VND | nợ VND |
| a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | | | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 704 | 721.491.238 | 721.491.238 | 790.894.638 | 790.894.638 |
| Công ty Cổ phần DVC Việt Nam | - | - | 1.157.741.200 | 1.157.741.200 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 | 224.043.700 | 224.043.700 | 1.906.361.166 | 1.906.361.166 |
| Phải trả các đối tượng khác | 2.019.235.841 | 2.019.235.841 | 2.079.312.367 | 2.079.312.367 |
| | <u>2.964.770.779</u> | <u>2.964.770.779</u> | <u>5.934.309.371</u> | <u>5.934.309.371</u> |
| b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.) | | | | |
| | <u>224.043.700</u> | <u>224.043.700</u> | <u>1.906.361.166</u> | <u>1.906.361.166</u> |

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 | - | 884.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà | - | 600.000.000 |
| Các đối tượng khác | 482.625.012 | 745.438.938 |
| | <u>482.625.012</u> | <u>2.229.438.938</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số phải thu cuối kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|----------------------------|---------------------|----------------------|----------------------|-------------------------|---------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | - | 264.924.894 | 34.881.282 | 312.183.464 | 12.377.288 | - |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | - | 6.224.647.364 | 1.635.256.757 | 2.896.681.837 | - | 4.963.222.284 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | - | - | 254.649.804 | 231.572.407 | - | 23.077.397 |
| Các loại thuế khác | - | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - | - |
| | - | 6.489.572.258 | 1.928.787.843 | 3.444.437.708 | 12.377.288 | 4.986.299.681 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí lãi vay | 127.020.306 | 165.277.778 |
| - Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình | - | 3.892.069.445 |
| - Chi phí phải trả khác | 459.655.300 | 194.655.300 |
| | 586.675.606 | 4.252.002.523 |

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Kinh phí công đoàn | 284.079.440 | 284.465.410 |
| - Bảo hiểm xã hội | 29.125.005 | 61.201.724 |
| - Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát | 267.000.000 | 831.298.041 |
| - Phải trả tiền mua chứng khoán | - | 17.450.909.300 |
| - Phải trả tiền giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán | 18.153.134.166 | 8.012.447.697 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.509.961.622 | 1.968.172.745 |
| | 20.243.300.233 | 28.608.494.917 |
| b) Dài hạn | | |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 56.815.000 | 56.815.000 |
| | 56.815.000 | 56.815.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
 Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 01/01/2016 | | Trong kỳ | | 30/06/2016 | |
|--|----------------|-----------------------|-----------------|-------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Vay ngắn hạn | | | | | | |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | - | - | 3.188.000.000 | - | 3.188.000.000 | 3.188.000.000 |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả ngân hàng | - | - | 3.188.000.000 | - | 3.188.000.000 | 3.188.000.000 |
| | - | - | 3.188.000.000 | - | 3.188.000.000 | 3.188.000.000 |
| b) Vay dài hạn | | | | | | |
| - Vay dài hạn ngân hàng (1) | - | - | 12.750.000.000 | 797.000.000 | 11.953.000.000 | 11.953.000.000 |
| - Trái phiếu thường (2) | 85.000.000.000 | 85.000.000.000 | - | - | 85.000.000.000 | 85.000.000.000 |
| | 85.000.000.000 | 85.000.000.000 | 12.750.000.000 | 797.000.000 | 96.953.000.000 | 96.953.000.000 |
| Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng | - | - | (3.188.000.000) | - | (3.188.000.000) | (3.188.000.000) |
| Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng | 85.000.000.000 | 85.000.000.000 | | | 93.765.000.000 | 93.765.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn ngân hàng:

- (1) Hợp đồng tín dụng từng lần số 16008/TH/HỆTD.DAH ngày 19 tháng 2 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 12.750.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: được sử dụng để bù đắp tiền mua máy móc, thiết bị phương tiện vận tải đã đầu tư để nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015;
 - + Thời hạn của cho vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: đối với khoản giải ngân trước 31/3/2016 là 9%/năm; đối với khoản giải ngân sau 31/3/2016: áp dụng theo thông báo của VCB Đông Anh tại thời điểm nhận nợ, điều chỉnh 03 tháng/lần;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo.
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 11.953.000.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 3.188.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu phát hành:

| | 30/06/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|--------------------------------|------------------------------|----------|----------|------------------------------|----------|----------|
| | Giá trị | Lãi suất | Kỳ hạn | Giá trị | Lãi suất | Kỳ hạn |
| | VND | % | | VND | % | |
| Trái phiếu phát hành | 85.000.000.000 | | | 85.000.000.000 | | |
| - Loại phát hành theo mệnh giá | 85.000.000.000 | 10,0% | 36 tháng | 85.000.000.000 | 10,0% | 36 tháng |
| | <u>85.000.000.000</u> | | | <u>85.000.000.000</u> | | |

Trong năm 2015, Công ty phát hành 85 trái phiếu với kỳ hạn 36 tháng với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ sau được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
 Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|----------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 124.969.290.000 | 982.166.000 | 6.050.945.031 | 24.364.189.501 | 156.366.590.532 |
| Tăng vốn trong kỳ trước | 245.030.710.000 | - | - | - | 245.030.710.000 |
| Lãi trong kỳ trước | - | - | - | 9.487.250.193 | 9.487.250.193 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | 2.141.142.028 | (3.211.713.042) | (1.070.571.014) |
| Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS | - | - | - | (704.900.000) | (704.900.000) |
| Số dư cuối kỳ trước | 370.000.000.000 | 982.166.000 | 8.192.087.059 | 29.934.826.652 | 409.109.079.711 |
| Số dư đầu năm nay | 370.000.000.000 | 982.166.000 | 8.192.087.059 | 37.658.429.447 | 416.832.682.506 |
| Lãi trong kỳ này | - | - | - | 11.145.147.232 | 11.145.147.232 |
| Tạm ứng tiền thù lao HĐQT và BKS | - | - | - | (162.901.958) | (162.901.958) |
| Số dư cuối kỳ này | 370.000.000.000 | 982.166.000 | 8.192.087.059 | 48.640.674.721 | 427.814.927.780 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 30/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

| | Số tiền |
|---|----------------|
| | VND |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 17.680.852.988 |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách | 700.200.000 |
| Lợi nhuận phân phối | 16.980.652.988 |
| Lợi nhuận còn lại chưa chia các năm trước | 19.977.576.459 |
| Tổng lợi nhuận còn lại chưa chia các năm trước | 36.958.229.447 |
| Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 5% vốn điều lệ) (*) | 18.500.000.000 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 18.458.229.447 |

(*) Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 42/2016/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 07 năm 2016 cũng đã thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.850.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 18.500.000.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 20:1 (tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng là 5% mệnh giá). Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu và cứ 20 quyền nhận sẽ được 01 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
- Nguồn vốn thực hiện: từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán.
- Thời gian phát hành dự kiến: cuối quý II năm 2016 đến đầu quý III năm 2016.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu mới phát hành được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
- Ngày đăng ký cuối cùng: ngày 05/08/2016.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Tỷ lệ (%) | Cuối kỳ VND | Tỷ lệ (%) | Đầu kỳ VND |
|-------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|
| Vốn góp của các cổ đông | 100,00% | 370.000.000.000 | 100,00% | 370.000.000.000 |
| | 100% | 370.000.000.000 | 100% | 370.000.000.000 |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | 6 tháng đầu năm 2016 VND | 6 tháng đầu năm 2015 VND |
|---------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 370.000.000.000 | 370.000.000.000 |
| - Vốn góp đầu kỳ | 370.000.000.000 | 124.969.290.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ | - | 245.030.710.000 |
| - Vốn góp cuối kỳ | 370.000.000.000 | 370.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

d) Cổ phiếu

| | <u>30/06/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 37.000.000 | 37.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 37.000.000 | 37.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 37.000.000 | 37.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 37.000.000 | 37.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 37.000.000 | 37.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

e) Các quỹ công ty

| | <u>30/06/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 8.192.087.059 | 8.192.087.059 |
| | <u>8.192.087.059</u> | <u>8.192.087.059</u> |

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | <u>6 tháng đầu năm 2016</u> | <u>6 tháng đầu năm 2015</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 7.021.450.937 | 2.395.985.704 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 4.816.523.149 | 24.302.285.343 |
| | <u>11.837.974.086</u> | <u>26.698.271.047</u> |
| Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.) | <u>5.100.307.264</u> | <u>2.395.985.704</u> |

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | <u>6 tháng đầu năm 2016</u> | <u>6 tháng đầu năm 2015</u> |
|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 3.297.075.559 | 1.140.080.484 |
| Giá vốn hợp đồng xây dựng | 4.254.831.520 | 21.567.499.879 |
| | <u>7.551.907.079</u> | <u>22.707.580.363</u> |

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | <u>6 tháng đầu năm 2016</u> | <u>6 tháng đầu năm 2015</u> |
|-----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 2.305.552.829 | 213.618.997 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | 43.471.528.270 | 22.373.906.010 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 4.711.422.500 | 1.523.400.000 |
| | <u>50.488.503.599</u> | <u>24.110.925.007</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|--|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 6.009.378.922 | 1.160.570.672 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính | 19.077.355.221 | 169.479.106 |
| Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | (4.776.581.245) | 16.014.616.248 |
| Chi phí tài chính khác | 1.156.062.829 | - |
| | 21.466.215.727 | 17.344.666.026 |

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.907.393.489 | 536.136.984 |
| Chi phí nhân công | 2.103.207.812 | 2.894.124.830 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 530.989.548 | 352.871.730 |
| Thuế, phí, lệ phí | 90.325.174 | 151.487.167 |
| Chi phí dự phòng | 14.483.707.325 | 454.803.335 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 596.650.246 | 479.419.557 |
| Chi phí khác bằng tiền | 876.169.732 | 1.287.528.366 |
| | 20.588.443.326 | 6.156.371.969 |

27 . THU NHẬP KHÁC

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|--|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | - | 7.411.325.966 |
| Cho thuê văn phòng và tiền điện | 1.122.880.003 | - |
| Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình | - | 512.783.432 |
| Thu nhập khác | 150.309.773 | 2.152 |
| | 1.273.189.776 | 7.924.111.550 |

28 . CHI PHÍ KHÁC

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ | - | 231.454.911 |
| Chi phí cho thuê văn phòng và tiền điện | 1.105.395.040 | - |
| Các khoản bị phạt | 107.302.300 | 34.550.488 |
| Chi phí khác | - | 12.270.730 |
| | 1.212.697.340 | 278.276.129 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 6 tháng đầu năm 2016 VND | 6 tháng đầu năm 2015 VND |
|---|--------------------------------|--------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 12.780.403.989 | 12.172.886.282 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 107.302.300 | 34.550.488 |
| - Chi phí không hợp lệ | 107.302.300 | 34.550.488 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (4.711.422.500) | - |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | (4.711.422.500) | - |
| Thu nhập tính thuế TNDN | 8.176.283.789 | 12.207.436.770 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 22% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 1.635.256.757 | 2.685.636.089 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ | 6.224.647.364 | 7.199.435.408 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ | (2.896.681.837) | (4.070.445.695) |
| Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ | 4.963.222.284 | 5.814.625.802 |

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 6 tháng đầu năm 2016 VND | 6 tháng đầu năm 2015 VND |
|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.994.536.454 | 16.411.111.364 |
| Chi phí nhân công | 1.926.802.449 | 13.927.656.301 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.337.354.657 | 2.223.724.714 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 955.938.497 | 5.052.732.254 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.071.626.020 | 3.007.815.687 |
| Chi phí trích lập dự phòng | 14.483.707.325 | - |
| | 22.769.965.402 | 40.623.040.320 |

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 60.029.324.843 | - | 14.565.244.126 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 82.419.461.357 | (18.792.742.643) | 158.198.131.145 | (3.918.774.690) |
| Các khoản cho vay | 16.200.000.000 | - | 2.000.000.000 | - |
| Đầu tư ngắn hạn | 190.343.411.655 | (4.017.728.169) | 187.530.700.506 | (8.794.309.414) |
| Đầu tư dài hạn | 85.550.000.000 | - | 80.550.000.000 | - |
| | 434.542.197.855 | (22.810.470.812) | 442.844.075.777 | (12.713.084.104) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam-Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

| | Giá trị số kế toán | |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
| | VND | VND |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Vay và nợ | 96.953.000.000 | 85.000.000.000 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 23.264.886.012 | 34.599.619.288 |
| Chi phí phải trả | 586.675.606 | 4.252.002.523 |
| | 120.804.561.618 | 123.851.621.811 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|--|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 30/06/2016 | | | | |
| Tiền và các khoản trương đương tiền | 60.029.324.843 | - | - | 60.029.324.843 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 63.406.718.714 | 220.000.000 | - | 63.626.718.714 |
| Các khoản cho vay | 16.200.000.000 | - | - | 16.200.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn | 186.325.683.486 | - | - | 186.325.683.486 |
| Đầu tư dài hạn | - | 85.550.000.000 | - | 85.550.000.000 |
| | 325.961.727.043 | 85.770.000.000 | - | 411.731.727.043 |
| Tại ngày 01/01/2016 | | | | |
| Tiền và các khoản trương đương tiền | 14.565.244.126 | - | - | 14.565.244.126 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 154.059.356.455 | 220.000.000 | - | 154.279.356.455 |
| Các khoản cho vay | 2.000.000.000 | - | - | 2.000.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn | 178.736.391.092 | - | - | 178.736.391.092 |
| Đầu tư dài hạn | - | 80.550.000.000 | - | 80.550.000.000 |
| | 349.360.991.673 | 80.770.000.000 | - | 430.130.991.673 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 30/06/2016 | | | | |
| Vay và nợ | 3.188.000.000 | 93.765.000.000 | - | 96.953.000.000 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 23.208.071.012 | 56.815.000 | - | 23.264.886.012 |
| Chi phí phải trả | 586.675.606 | - | - | 586.675.606 |
| | 26.982.746.618 | 93.821.815.000 | - | 120.804.561.618 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2016 | | | | |
| Vay và nợ | - | 85.000.000.000 | - | 85.000.000.000 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 34.542.804.288 | 56.815.000 | - | 34.599.619.288 |
| Chi phí phải trả | 4.252.002.523 | - | - | 4.252.002.523 |
| | 38.794.806.811 | 85.056.815.000 | - | 123.851.621.811 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp và diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

| | Mối quan hệ | 6 tháng đầu năm 2016 VND | 6 tháng đầu năm 2015 VND |
|--|-------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | | 5.100.307.264 | 2.395.985.704 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 | Công ty con | 5.011.261.810 | 2.395.985.704 |
| Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An | Công ty con | 89.045.454 | - |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | | 2.986.102.280 | 556.454.308 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 | Công ty con | 2.986.102.280 | 556.454.308 |
| Doanh thu lãi cho vay | | 419.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 | Công ty con | 419.000.000 | - |
| Thu nhập khác | | 634.457.442 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 | Công ty con | 634.457.442 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

| | Mối quan hệ | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | | 14.183.908.821 | 12.578.534.013 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 | Công ty con | 14.141.652.821 | 12.536.834.013 |
| Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An | Công ty con | 42.256.000 | 41.700.000 |
| Phải thu khác | | 44.359.000 | 44.359.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 | Công ty con | 44.359.000 | 44.359.000 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | 224.043.700 | 1.906.361.166 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 | Công ty con | 224.043.700 | 1.906.361.166 |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị | 494.700.000 | 431.000.000 |

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Đặng Đôn Triển
Người lập



Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

